

Số: 101/2022/QĐST-DS

Hàm Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948 (đã chết); Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Bà Lộc Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1966.

+ Bà Dương Thị H, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1972.

+ Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1975,

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất: Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất giữ nguyên hiện trạng ranh giới đất giữa hai hộ gia đình đã được phân định bằng các bức tường mà hai hộ gia đình đã xây dựng, cụ thể: Phần bức tường phía trước giáp sân gia đình ông T, bà T là do gia đình ông T, bà T xây dựng (xây bằng gạch đỏ), trong bức tường này có 01 cây cột điện thì bức tường này và diện tích đất xây dựng bức tường này thuộc quyền

quản lý, sử dụng của gia đình ông T, bà T; Phần bức tường xây kế tiếp bức tường gia đình ông T, bà T xây trở về phía sau (Bức tường cao, xây bằng gạch xi măng) do gia đình ông T xây dựng thì phần bức tường và diện tích đất xây dựng bức tường này thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông T; Song song với bức tường cao do gia đình ông T xây dựng (phía giáp nhà ông T, bà T) ở phần chân tường có một bức tường xây bằng gạch đỏ thấp hơn bức tường mà gia đình ông T đã xây thì bức tường này và phần diện tích đất xây dựng bức tường này thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông T, bà T.

Diện tích đất giữa hai gia đình được phân định bởi các điểm 2, 9, 10, 5 cụ thể:

- Gia đình ông Phạm Ngọc T được quản lý, sử dụng diện tích đất là 250,3m² thuộc thửa số 01, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo sơ đồ đo vẽ thẩm định ngày 15/6/2021, được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 10, 9, 2 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Gia đình bà Lộc Thị T và ông Lê Văn T được quản lý, sử dụng diện tích đất là 134,5m² thuộc thửa số 02 và 03, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo sơ đồ đo vẽ thẩm định ngày 15/6/2021, được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 9, 10, 5, 6, 7, 1 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

2.2. Về chi phí tố tụng: Các đương sự thỏa thuận, nguyên đơn ông Phạm Ngọc T chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông Phạm Ngọc T đã nộp là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Ông T đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng; Bị đơn bà Lộc Thị T không phải chịu chi phí tố tụng.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Lộc Thị T không phải chịu tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng